TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẦM DƠI - TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 01 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Châu Hải Dương
Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 489/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017, về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXX- ST ngày 12 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Ngọc T, sinh năm 1977 (có mặt)
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1974 (có mặt)
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đặng Thị C (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp HH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị Ngô Ngọc T trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Chị Ngô Ngọc T và anh Nguyễn Hoàng L tổ chức đám cưới vào ngày 15/12/1998, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L thường nhậu về chửi mắng, thường xuyên đánh đập đuổi chị đi. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên và chính quyền địa phương hòa giải, hàn gắn nhiều lần và có lập biên bản nhưng anh L vẫn không sửa đổi. Anh chị đã ly thân từ ngày 16/8/2015 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh L cũng có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và có con. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

- *Về con chung:* Anh chị có ba người con chung tên Nguyễn Thùy D, sinh ngày 20/5/1999, Nguyễn Yến D sinh ngày 21/9/2003 và Nguyễn Tứ D sinh ngày 01/01/2006. Cháu Thùy D hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải

quyết. Đối với cháu Yến D và Tứ D đang do chị nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung:* Chị T và anh L tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại:* Không có.

** Đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng L trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Anh L xác định lời trình bày của chị T về thời gian tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện, việc không có đăng ký kết hôn, thời gian ly thân và phát sinh mâu thuẫn là đúng. Khi anh có rượu thì có ghen nhưng không đánh đập, chửi mắng chị T. Việc chị T cho rằng chính quyền địa phương có đến lập biên bản là không có, chính quyền có hòa giải, hàn gắn cho anh chị. Anh không đồng ý ly hôn với chị T, trường hợp chị T vẫn cương quyết ly hôn thì anh đồng ý.

- *Về con chung:* Anh L xác định lời trình bày của chị T về con chung là đúng. Cháu Thùy D nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Yến D và Tứ D do chị T nuôi dưỡng từ ngày ly thân cho đến nay. Anh L đồng ý giao hai con cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Anh chị tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Vợ chồng có nợ bà Đặng Thị C 15.000.000 đồng. Trước đây anh có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T cùng có trách nhiệm với anh về việc trả nợ cho bà C là 15.000.000 đồng. Anh có nhận thay cho bà C các thông báo của Tòa án và có giao lại cho bà nhưng bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Do đó, anh L không yêu cầu chị T cùng có trách nhiệm trả nợ.

- *Về người khác nợ lại vợ chồng:* Anh L xác định không có.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại đơn từ chối tham gia giải quyết vụ án ngày 12/01/2018 bà Đặng Thị C trình bày:* Trước đây vợ chồng anh L có nợ bà một số tiền là 15.000.000 đồng. Nay vợ chồng anh ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Đặng Thị C đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bà C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đặng Thị C.

[2] Về hôn nhân: Chị Ngô Ngọc T và anh Nguyễn Hoàng L kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Chị T có yêu cầu ly hôn được anh L đồng ý. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình của Quốc hội quy định *"Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi ...nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công*

nhận là vợ chồng…”. Do đó, khi xác lập mối quan hệ hôn nhân chị T và anh L không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có ba người con chung tên Nguyễn Thùy D, sinh ngày 20/5/1999, Nguyễn Yến D sinh ngày 21/9/2003 và Nguyễn Tứ D sinh ngày 01/01/2006. Cháu Thùy D hiện nay đã trưởng thành nên chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với cháu Yến D và Tứ D đang do chị T nuôi dưỡng. Chị T có yêu cầu được nuôi hai con, anh L đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại hai cháu Yến D và Tứ D đã được chị Thúy nuôi dưỡng ổn định. Mặt khác, tại “*Biên bản V/v ghi ý kiến của con chung”* ngày 10/01/2018 tại Tòa án hai cháu Yến D và Tứ D có nguyện vọng xin được ở với mẹ là Ngô Ngọc T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T giao hai cháu Yến D và Tứ D cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng: Chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh L tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ người khác: Chị T xác định chị và anh L không có nợ chung. Anh L xác định trước đây anh và chị T có nợ bà Chậm 15.000.000 đồng. Tuy nhiên, nay anh và chị T thỏa thuận anh có trách nhiệm trả toàn bộ cho bà C do đó anh không yêu cầu chị T cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà C. Xét thấy, bà C không khởi kiện yêu cầu chị T và anh L trả cho bà 15.000.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, trường hợp đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về người khác nợ lại: Chị T và anh L xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, Khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 53, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ chị Ngô Ngọc T và anh Nguyễn Hoàng L là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao hai cháu Nguyễn Yến D sinh ngày 21/9/2003 và Nguyễn Tứ D sinh ngày 01/01/2006 cho chị Ngô Ngọc T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Hoàng L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ngô Ngọc T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ngày 30 tháng 11 năm 2017 đã dự nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân thẩm tại biên lai số 0009401 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Biện Thị Nhung